

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Lũy kế năm	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		53.255.493.887	54.265.329.344
+ Doanh thu SP nội bộ với TCT			440.052.367	246.370.964
+ Doanh thu SP làm ngoài			34.567.475.722	38.406.893.022
+ Doanh thu SP công ích			18.247.965.798	15.612.065.358
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		53.255.493.887	54.265.329.344
4. Giá vốn hàng bán	11		41.024.920.606	42.756.040.952
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		12.230.573.281	11.509.288.392
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		18.198.453	42.064.388
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		11.379.038.279	11.188.945.576
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		869.733.455	362.407.204
{30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}				
11. Thu nhập khác	31		36.403.910	
12. Chi phí khác	32		36.403.910	99.538.216
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	-99.538.216
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		869.733.455	262.868.988
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		191.341.360	79.729.584
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh	60		678.392.095	183.139.404
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

Người lập biểu



Trịnh Thị Tâm

P.Trưởng phòng TCKT



Trịnh Thị Tâm



Giám đốc

Nguyễn Phúc Chính